TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐÔNG HOÀ** **TỈNH PHÚ YÊN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 70/2019/QĐST-HNGĐ	*Đông Hoà, ngày 04 tháng 5 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 85/2019/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 4 năm 2019 giữa:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Thu T – Sinh năm: 2000;

Nơi cư trú: Thôn M, xã H, huyện Đ, tỉnh Phú Yên.

Chỗ ở hiện nay: Thôn P, xã X, huyện Đ, tỉnh Phú Yên.

Bị đơn: Anh Võ Văn C – Sinh năm: 1988;

Nơi cư trú: Thôn M, xã H, huyện Đ, tỉnh Phú Yên.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 55, 59 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 26 tháng 4 năm 2019 về việc các đương sự đã thật sự tự nguyện ly hôn và thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 85/2019/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 4 năm 2019.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự đã ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 26 tháng 4 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Nguyễn Thị Thu T và anh Võ Văn C.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về con chung: Không có con chung.

- Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị Thu T và anh Võ Văn C thống nhất tài sản chung có 20 *(Hai mươi)* chỉ vàng y 9999, số vàng này hiện anh C đang cất giữ. Khi ly hôn buộc anh C phải giao lại cho chị T ½ là 10 *(Mười)* chỉ vàng y 9999, anh C chấp nhận và tự nguyện giao cho chị T vào ngày 06/5/2019.

- Về án phí: Chị Nguyễn Thị Thu T chịu 150.000^{đ} (*Một trăm năm mươi nghìn đồng)* tiền án phí dân sự sơ thẩm về yêu cầu xin ly hôn và 905.000^{đ} *(Chín trăm lẻ năm nghìn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm về chia tài sản chung. Được khấu trừ vào số tiền 300.000 *(Ba trăm nghìn đồng)* chị T đã nộp tạm ứng án phí

theo biên lai thu tiền số 0013828 ngày 04 tháng 4 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ nên chị Nguyễn Thị Thu T còn phải nộp 755.000^{đ} *(Bảy trăm năm mươi lăm nghìn đồng)*.

Anh Võ Văn C chịu 905.000^{đ} *(Chín trăm lẻ năm nghìn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm về chia tài sản chung.

(Giá vàng theo thị trường tại thời điểm giải quyết là 3.620.000^{đ}/1 chỉ vàng y 9999).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Phú Yên;
- VKSND huyện Đ;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- Các đương sự;
- UBND xã H;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Trần Minh Nhật